

Bản án số: 460/2024/HNGĐ -ST

Ngày: 28-8-2024

V/v tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 6 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1/ Bà Vũ Thị Hiệp

2/ Bà Nguyễn Thị Lưu Ly

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thị Mỹ Quý – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đỗ Thị Anh Đào - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 6, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 320/2024/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 227/2024/QĐXXST- HNGĐ ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Bà Mai Thị Mộng D, sinh năm: 1982; Thường trú: A đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh; Chỗ ở hiện nay: số E, ấp A, xã A, huyện B, tỉnh Bến Tre (có mặt).

**- Bị đơn:** Ông Nguyễn Văn T, sinh năm: 1983; Địa chỉ A đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh (có đơn xin vắng mặt).

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

*Tại đơn khởi kiện đề ngày 07/3/2024, bản tự khai ngày 27/7/2024 và tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay nguyên đơn bà Mai Thị Mộng D trình bày:*

Bà và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn. Trong thời gian sống chung vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do ông T không lo làm ăn mà đam mê cờ bạc gây ra nợ nần, ông T còn thường xuyên nhậu nhẹt nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã lẫn nhau. Một mình bà phải lo hết mọi việc trong gia đình, sau đó bà và các con chuyển về quê ở Bến Tre sinh sống ông T cũng về theo nhưng tính nết ông T vẫn không

thay đổi. Sau đó ông T bỏ nhà đi để lại hai đứa con cho bà nuôi dưỡng. Đến tháng 5/2024 ông T yêu cầu được nuôi con là trẻ Nguyễn Thành N nên bà đã đưa trẻ N về sống chung với ông T tại địa chỉ: A đường T, Phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Vợ chồng bà đã sống ly thân với nhau hơn một năm nay, không ai còn quan tâm đến ai. Vì vậy bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T

Về con chung: Bà và ông T có với nhau hai người con chung tên là: Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020. Bà giao trẻ N cho ông T nuôi dưỡng và bà sẽ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ N1.

Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai đề ngày 30/7/2024 Bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:* Ông và bà D kết hôn với nhau vào năm 2010, sau khi kết hôn vợ chồng ông thuê nhà trọ để sinh sống, vợ chồng xảy ra mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc. Một thời gian sau vợ chồng ông chuyển về quê ở Bến Tre sinh sống, công việc của ông là làm nghề đánh bắt cá nên thường xuyên không có nhà do phải đi biển nhưng bà D không thông cảm nên mâu thuẫn của vợ chồng nhiều hơn. Do vợ chồng không hiểu nhau nên ông đã chuyển về nhà cha mẹ ở Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh sống hơn một năm nay. Nay bà D yêu cầu được ly hôn với ông thì ông cũng đồng ý ly hôn với bà D.

Về con chung: Ông và bà D có với nhau hai người con chung tên là: Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020. Hiện nay trẻ N đang sống với ông, còn trẻ N1 đang sống với bà D nên ông yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng trẻ N và giao trẻ N1 cho bà D nuôi dưỡng

Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 6 phát biểu ý kiến:* Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán và của Hội đồng xét xử kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào nghị án đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã chấp hành hành các quy định tại Điều 70,72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã chấp hành hành các quy định tại Điều 70,71 của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc đưa vụ án ra xét xử đúng theo quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, bà Mai Thị Mộng D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T. Về con chung: giao trẻ Nguyễn Thành N, sinh ngày 13/12/2010 cho ông T chăm sóc, nuôi dưỡng và giao trẻ Nguyễn Thành N1, sinh ngày: 26/3/2020 cho bà D chăm sóc, nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng nuôi con: hai bên tự thỏa thuận giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên khai không có nên không xem xét giải quyết.

Về án phí: bà D nộp án phí theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết:

Bà Mai Thị Mộng D có đơn yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn T nên Tòa án nhân dân Quận 6 thụ lý và giải quyết theo khoản 1 Điều 51 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T có đơn xin xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân

Bà Mai Thị Mộng D và ông Nguyễn Văn T có đăng ký kết hôn theo giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyển số 01/2010 đăng ký ngày 20/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh. Như vậy hôn nhân giữa bà D và ông T là hôn nhân hợp pháp.

Theo như lời trình bày của bà D và ông T thì khi về sống chung với nhau vợ chồng phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do vấn đề tiền bạc. Ngoài ra theo bà D trình bày thì do ông T còn ham mê cờ bạc và thường xuyên nhậu nhẹt, không quan tâm đến gia đình, vợ con.

Theo Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định: “*Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau...*”. nhưng giữa vợ chồng bà D và ông T đã không có sự tôn trọng, quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau. Hơn một năm nay thì cả hai đã sống ly thân với nhau không ai còn quan tâm đến ai. Nay bà D yêu cầu ly hôn với ông T và ông T cũng đồng ý ly hôn với bà D. Như vậy, mâu thuẫn giữa bà D và ông T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định cho bà Mai Thị Mộng D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T là phù hợp theo khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: ông T và bà D xác định có hai con chung tên là: Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020. Ông T và bà D đều thống nhất ông T nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thành N và bà D nuôi dưỡng trẻ Nguyễn Thành N1. Vì vậy, Hội đồng xét xử giao trẻ Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành và giao trẻ Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020 cho bà Mai Thị Mộng D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: bà D và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ ( Ba trăm ngàn đồng) do bà D nộp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 228; khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 81,82,83,84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

**Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Mai Thị Mộng D

1. Về quan hệ hôn nhân: bà Mai Thị Mộng D được ly hôn với ông Nguyễn Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 161, quyền số 01/2010 đăng ký ngày 20/10/2010 tại Ủy ban nhân dân phường A, Quận F, Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Mai Thị Mộng D và ông Nguyễn Văn T không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: ông T và bà D xác định có hai con chung là: tên là: Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 và Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020.

Giao trẻ Nguyễn Thành N, sinh ngày: 13/12/2010 cho ông Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành và giao trẻ Nguyễn Thành N1, sinh ngày 26/3/2020 cho bà Mai Thị Mộng D chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi trẻ trưởng thành.

Ông Nguyễn Văn T và bà Mai Thị Mộng D có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho nhau khi cả hai đến thăm nom, chăm sóc con chung. Vì lợi ích của con khi cần thiết các bên đều có quyền yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Hai bên tự thỏa thuận giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: hai bên xác nhận không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) do bà Mai Thị Mộng D nộp được khấu trừ vào 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí mà bà D đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0010076 ngày 27/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6. Bà D đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

6. Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện yêu cầu thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các

Điều 6,7,7a,7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- Dương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 6;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 6;
- UBND phường 14, Quận 6;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thanh Nhàn**